

Số: 43/BB-KTC-ĐHĐCĐ

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Địa chỉ: số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 30/6/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 03/8/2017.

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC

- Thời gian: 13 giờ 00, ngày thứ Năm (19/4/2018).
- Địa điểm: Khách sạn Sài Gòn - Rạch Giá.

Phần I. GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Khai mạc cuộc họp

Ông Huỳnh Phùng Ngọc tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.

Đại biểu tham dự Đại hội gồm có:

- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.
- Các cổ đông và người đại diện được ủy quyền.

II. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Người báo cáo: ông Đặng Văn Lành, chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung báo cáo:



- Tổng số cổ đông mời tham dự: Tất cả cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 03/4/2018, sở hữu 36.473.833 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

- Tổng số cổ đông và người đại diện cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay là 94 cổ đông, nắm giữ 36.301.233 cổ phần của Công ty, chiếm tỷ lệ 99,5268% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, lớn hơn 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Như vậy, đã có đủ điều kiện tổ chức Đại hội.

- Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông đều đủ điều kiện tham dự kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

III. Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tịch đoàn:

- Ông Nguyễn Thanh Tung Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Văn Cảnh Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Phạm Văn Hoàng Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.

2. Thư ký đoàn:

- Ông Ngô Thanh Bình Thư ký HĐQT.
- Bà Nguyễn Thị Bạch Dương Phó phòng Tài chính Kế toán.

3. Ban kiểm phiếu

- Ông Nguyễn Thành Công Phó Tổng Giám đốc, Trưởng ban.
- Ông Lê Thành Đước Phó phòng KHKD, Thành viên.
- Ông Đỗ Hữu Trung Quyền Chánh Văn phòng, Thành viên.
- Ông Huỳnh Phùng Ngọc Nhân viên Văn phòng, Thành viên.
- Bà Bùi Thị Huyền Trân Nhân viên Văn phòng, Thành viên.
- Ông Phạm Huỳnh Hoài Phương Nhân viên Ban Tổng hợp, Thành viên.
- Ông Dương Tuấn Vũ Nhân viên Phòng Tài chính KT, Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách nhân sự Đại hội.

IV. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội

ĐHĐCĐ thông qua Quy chế này với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100%.

V. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Thanh Tung đọc Chương trình Đại hội. Đại hội thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100%.

Phần II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày các Báo cáo, Tờ trình

1. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Người trình bày: ông Nguyễn Thanh Tung, Chủ tịch HĐQT.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Người trình bày: ông Phạm Văn Hoàng, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Người trình bày: ông Đặng Văn Lành, Trưởng Ban kiểm soát.

4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Người trình bày: ông Đinh Hoài Thanh, Kế toán trưởng.

5. Trình bày các Tờ trình

Ông Phạm Văn Hoàng, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trình bày các Tờ trình gồm:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018.
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018.

Ông Nguyễn Văn Cảnh, Phó Chủ tịch HĐQT trình bày các Tờ trình gồm:

- Tờ trình tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Tờ trình thông qua Quy chế.

Ông Nguyễn Thanh Tung, Chủ tịch HĐQT trình bày các Tờ trình gồm:

- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên.

Phần III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông có ý kiến về những vấn đề sau:

1. Ông La Anh Bảo: nhất trí nội dung các Báo cáo và Tờ trình; doanh thu Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Kiên Giang 5 tháng năm 2017 đạt 90% kế hoạch, lợi nhuận đạt 124% kế hoạch, sản lượng tiêu thụ đạt 97% kế hoạch; người lao động có tinh thần trách nhiệm cao; Xí nghiệp quan tâm mở rộng mạng lưới phân phối, phát triển hệ thống bán lẻ, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng, triển khai kinh doanh xăng E5 với doanh số ngày càng tăng; xây dựng dấu hiệu nhận diện thương mại để triển khai trong toàn hệ thống. Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, trong đó tập trung phát triển hệ thống bán lẻ. Kiến nghị các cơ quan chức năng có biện pháp ngăn chặn tình trạng buôn lậu xăng dầu trên biển; hạn chế tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.

2. Bà Trần Thị Mỹ Trang: thống nhất nội dung các Báo cáo, Tờ trình. Tình hình kinh doanh gạo đầu năm 2017 gặp khó khăn, cuối năm có nhiều yếu tố thuận lợi, Công ty đã tranh thủ tốt các cơ hội hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, là một trong những doanh nghiệp kinh doanh gạo có hiệu quả. Dự kiến năm 2018 sẽ có nhiều cơ hội và thuận lợi hơn, tính đến thời điểm hiện tại Công ty đã hoàn thành 54% kế hoạch 2018 về kinh doanh xuất khẩu gạo, uy tín trên thị trường ngày càng được nâng lên. Công ty đang có lượng hàng tạm trữ khá nhiều, là điều kiện thuận lợi trong thời gian tới. Tuy nhiên, Công ty đang gặp khó về vốn để mua nguyên liệu do hạn mức tín dụng bị hạn chế, năng lực đóng hàng còn hạn chế. Kiến nghị Công ty đầu tư thêm máy móc, thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tiến độ thực hiện các hợp đồng, hạn chế đặt hàng bên ngoài.

3. Ông Đinh Hoài Thanh: chi phí lãi vay của Công ty lớn; nguồn vốn phục vụ kinh doanh còn hạn chế. Kiến nghị mở thêm hạn mức tín dụng, tái cấu trúc tài sản để tập trung cho những lĩnh vực kinh doanh chính.

Các ý kiến gửi bằng phiếu và chất vấn trực tiếp đều được Đoàn Chủ tịch giải đáp chi tiết và thỏa đáng.

Phần IV. PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA UBND TỈNH KIÊN GIANG

Bà Lê Thị Minh Phụng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Phần V. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

- Lợi nhuận sau thuế: 8.092.513.622 đồng.
- Lợi nhuận năm trước chưa phân phối: 0 đồng.

- Tổng lợi nhuận được phép phân phối: 8.092.513.622 đồng.
- Phân phối lợi nhuận: 3.112.835.998 đồng.

Trong đó:

Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST): 809.251.362 đồng.

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST): 809.251.362 đồng.

Trích thưởng người lao động (0,5 tháng lương công việc): 1.213.333.274 đồng.

Trích thưởng người quản lý điều hành: 281.000.000 đồng.

Cổ tức chi trả cho cổ đông (... ..% vốn điều lệ): 0 đồng.

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 4.979.677.624 đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018 là 23.200.000.000 đồng; dự kiến kế hoạch sử dụng:

Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế.

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế.

Cổ tức chi trả cho cổ đông: từ 5% đến 8% vốn điều lệ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp, cân đối nguồn của Công ty để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 theo quy định của pháp luật.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018

Stt	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu 2018
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.000.000
02	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
03	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29.000

04	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	23.200
05	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Xăng dầu các loại	M ³	202.000
	- Gạo các loại	Tấn	140.000
	- Đồ hộp các loại	Container	220
06	Quỹ đầu tư phát triển	%	10
07	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	10
08	Chia cổ tức	%	từ 5 đến 8
09	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/người/tháng	7.200.000
10	Tỷ suất LN trước thuế/vốn điều lệ	%	7,95

Tổng giá trị đầu tư cơ sở vật chất năm 2018: 67.651.591.900 đồng (có Phụ lục kèm theo).

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 93 phiếu, đại diện 36.296.333 cổ phần, chiếm 99,99% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 1 phiếu, đại diện 4.900 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc năm 2017 và kế hoạch năm 2018

1. Tiền lương, thù lao năm 2017

1.1 Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

1.1.1 Tiền lương Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 200.000.000 đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 150.000.000 đồng.

1.1.2 Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách

- Phó Chủ tịch HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 20.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 6 người = 90.000.000 đồng.

- Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương, thù lao đã chi năm 2017 (1.1.1 + 1.1.2): 500.000.000 đồng.

1.2 Tiền lương Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc như sau

- Tổng Giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 170.000.000 đồng.

- Phó Tổng Giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương đã chi năm 2017: 770.000.000 đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018

2.1 Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát kế hoạch năm 2018 như sau:

2.1.1 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương quản lý Công ty, không hưởng thù lao/phụ cấp như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 480.000.000 đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 360.000.000 đồng.

2.1.2 Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách như sau:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 84.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 6 người = 360.000.000 đồng.

- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 4 người = 144.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 (2.1.1 + 2.1.2): 1.428.000.000 đồng.

2.2 Tiền lương Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc kế hoạch năm 2018 như sau:

- Tổng Giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 408.000.000 đồng.

- Phó Tổng Giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 5 người = 1.800.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương kế hoạch năm 2018: 2.208.000.000 đồng.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cho từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn 1 trong 4 đơn vị kiểm toán sau đây làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, số 386/51 đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 04 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, Tầng 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, số 140 đường Nguyễn Văn Thụ, Phường Đakao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 93 phiếu, đại diện 36.300.833 cổ phần, chiếm 99,9989% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 1 phiếu, đại diện 400 cổ phần, chiếm 0,0011% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đính kèm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Phạm Bình Dương.

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Dương Ngọc Tuyên.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với bà Nguyễn Thị Bạch Dương.

2. Thông qua việc bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Võ Chí Công.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Phần VI. BẦU CỬ

1. Bầu bổ sung thành viên HĐQT

Tổng số phiếu thu được 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần.

Số phiếu hợp lệ 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Số phiếu không hợp lệ 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Họ và tên ứng viên: DƯƠNG NGỌC TUYẾN

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Vậy danh sách trúng cử thành viên HĐQT gồm 1 ứng viên như sau:

Họ và tên ứng viên: DƯƠNG NGỌC TUYẾN

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.



2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Tổng số phiếu thu được 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần

Số phiếu hợp lệ 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Số phiếu không hợp lệ 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Họ và tên ứng viên: VÕ CHÍ CÔNG

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Vậy danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát gồm 1 ứng viên như sau:

Họ và tên ứng viên: VÕ CHÍ CÔNG

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Phần VII. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ông Ngô Thanh Bình đọc Biên bản ĐHĐCĐ. Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với 100% số phiếu tán thành.

Ông Phạm Văn Hoàng đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành ba (03) bản và được lưu tại Công ty.

Đại hội kết thúc lúc 18 giờ cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Ngô Thanh Bình



Nguyễn Thanh Tung

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Website Công ty;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Ban TH, Thư ký HĐQT (3b).

Số: 44 /NQ-KTC-ĐHĐCĐ

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2018 ngày 19/4/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Ngày 19/4/2018, tại Khách sạn Sài Gòn - Rạch Giá, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang được tổ chức với sự tham gia của 94 cổ đông, sở hữu 36.301.233 cổ phần, chiếm 99,5268% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

- Lợi nhuận sau thuế: 8.092.513.622 đồng.
- Lợi nhuận năm trước chưa phân phối: 0 đồng.
- Tổng lợi nhuận được phép phân phối: 8.092.513.622 đồng.
- Phân phối lợi nhuận: 3.112.835.998 đồng.

Trong đó:

Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST): 809.251.362 đồng.

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST): 809.251.362 đồng.

Trích thưởng người lao động (0,5 tháng lương công việc): 1.213.333.274 đồng.

Trích thưởng người quản lý điều hành: 281.000.000 đồng.

Cổ tức chi trả cho cổ đông (... ..% vốn điều lệ): 0 đồng.

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 4.979.677.624 đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018 là 23.200.000.000 đồng; dự kiến kế hoạch sử dụng:

Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế.

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế.

Cổ tức chi trả cho cổ đông: từ 5% đến 8% vốn điều lệ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp, cân đối nguồn của Công ty để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 theo quy định của pháp luật.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018

Stt	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu 2018
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.000.000
02	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
03	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29.000
04	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	23.200
05	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Xăng dầu các loại	M ³	202.000
	- Gạo các loại	Tấn	140.000
	- Đồ hộp các loại	Container	220
06	Quỹ đầu tư phát triển	%	10
07	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	10
08	Chia cổ tức	%	từ 5 đến 8
09	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/người/tháng	7.200.000
10	Tỷ suất LN trước thuế/vốn điều lệ	%	7,95

Tổng giá trị đầu tư cơ sở vật chất năm 2018: 67.651.591.900 đồng (có Phụ lục kèm theo).

Phần biểu quyết:

- Tán thành: 93 phiếu, đại diện 36.296.333 cổ phần, chiếm 99,99% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 1 phiếu, đại diện 4.900 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc năm 2017 và kế hoạch năm 2018

1. Tiền lương, thù lao năm 2017

1.1 Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

1.1.1 Tiền lương Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 200.000.000 đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 150.000.000 đồng.

1.1.2 Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách

- Phó Chủ tịch HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 20.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 6 người = 90.000.000 đồng.

- Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương, thù lao đã chi năm 2017 (1.1.1 + 1.1.2): 500.000.000 đồng.

1.2 Tiền lương Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc như sau

- Tổng Giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 170.000.000 đồng.

- Phó Tổng Giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương đã chi năm 2017: 770.000.000 đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018

2.1 Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát kế hoạch năm 2018 như sau:

2.1.1 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương quản lý Công ty, không hưởng thù lao/phụ cấp như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 480.000.000 đồng.

- Trưởng Ban kiểm soát: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 360.000.000 đồng.

2.1.2 Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách như sau:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 84.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 6 người = 360.000.000 đồng.

- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 4 người = 144.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 (2.1.1 + 2.1.2): 1.428.000.000 đồng.

2.2 Tiền lương Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc kế hoạch năm 2018 như sau:

- Tổng Giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 408.000.000 đồng.

- Phó Tổng Giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 5 người = 1.800.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương kế hoạch năm 2018: 2.208.000.000 đồng.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cho từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn 1 trong 4 đơn vị kiểm toán sau đây làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
2. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, số 386/51 đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Tòa nhà Indochina Park Tower, số 04 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, Tầng 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, số 140 đường Nguyễn Văn Thụ, Phường Đakao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 93 phiếu, đại diện 36.300.833 cổ phần, chiếm 99,9989% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 1 phiếu, đại diện 400 cổ phần, chiếm 0,0011% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đính kèm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Phạm Bình Dương.

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Dương Ngọc Tuyên.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với bà Nguyễn Thị Bạch Dương.

2. Thông qua việc bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Võ Chí Công.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 94 phiếu, đại diện 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 12: Bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

1. Bầu bổ sung thành viên HĐQT

Tổng số phiếu thu được 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần.

Số phiếu hợp lệ 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Số phiếu không hợp lệ 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Họ và tên ứng viên: DƯƠNG NGỌC TUYÊN



Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Danh sách trúng cử thành viên HĐQT gồm 1 ứng viên như sau:

Họ và tên ứng viên: DƯƠNG NGỌC TUYẾN

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Tổng số phiếu thu được 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần

Số phiếu hợp lệ 94 phiếu, đại diện cho 36.301.233 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Số phiếu không hợp lệ 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Họ và tên ứng viên: VÕ CHÍ CÔNG

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát gồm 1 ứng viên như sau:

Họ và tên ứng viên: VÕ CHÍ CÔNG

Số phiếu tán thành 94 phiếu, đại diện cho 36.301.133 phiếu bầu, chiếm 99,9997% tính trên số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Website Công ty;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Ban TH, Thư ký HĐQT (3b).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thanh Hưng

Số: 27/BC-KTC-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2017
và kế hoạch năm 2018

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5 THÁNG NĂM 2017

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty KTC nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 8 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Tung | Chủ tịch HĐQT, |
| 2. Ông Nguyễn Văn Cảnh | Phó Chủ tịch HĐQT, |
| 3. Ông Phạm Văn Hoàng | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, |
| 4. Ông Nguyễn Duy An | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, |
| 5. Bà Võ Thị Hương Giang | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, |
| 6. Ông Phạm Bình Dương | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, |
| 7. Ông Võ Thái Sơn | Thành viên HĐQT, |
| 8. Ông Vũ Quang Hiến | Thành viên HĐQT. |

Để thực thi các nhiệm vụ do ĐHCĐ giao, HĐQT đã tiến hành triển khai ngay các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp, gồm 3 cuộc họp thường kỳ và 5 cuộc họp bất thường (có đính kèm chi tiết tại Phụ lục số 01); ngoài ra, HĐQT còn tổ chức 9 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng bản đề kịp thời giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền.

Ngay phiên họp đầu tiên, HĐQT đã quyết định nhân sự Ban điều hành, Kế toán trưởng để nhanh chóng ổn định tổ chức, đưa Công ty vào quỹ đạo; Thông qua cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty; Thông qua nhân sự Trưởng các Phòng chuyên môn,

Giám đốc các Đơn vị trực thuộc; Thông qua phương án nhân sự các Phòng/Ban nghiệp vụ và các Đơn vị trực thuộc...

Các cuộc họp đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực, HĐQT đã tổ chức các phiên họp để nghe Ban điều hành báo cáo, ban hành các nghị quyết để Ban điều hành kịp thời có những điều chỉnh hợp lý về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề ra các giải pháp phù hợp để triển khai thực hiện. Nhằm hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch và mục tiêu phát triển, đặc biệt là để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, HĐQT đã đồng hành, sát cánh cùng Ban điều hành trong mọi hoạt động của Doanh nghiệp, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, tạo các cơ chế phù hợp, thông thoáng để Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 tháng năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 tháng	Thực hiện 5 tháng	Mức độ hoàn thành
1	Doanh thu thuần	Tr đồng	1.609.758	2.018.876	125,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	7.367	8.093	109,9%
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	19.500.000	30.496.157	156,4%
4	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	2,02	2,22	109,9%

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã ban hành 39 Nghị quyết, 58 Quyết định thuộc thẩm quyền, các nghị quyết, quyết định do HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trên cơ sở vì lợi ích của các Cổ đông và chiến lược phát triển của Công ty; *Cụ thể:*

- Lĩnh vực tổ chức, cán bộ: 05 Nghị quyết, 41 Quyết định.
- Lĩnh vực xây dựng quy chế quản lý nội bộ: 09 Nghị quyết, 17 Quyết định.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 25 Nghị quyết.

(Có đính kèm chi tiết tại Phụ lục số 02).

4. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị

HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT; Giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trước những khó khăn, vướng mắc; Đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc để kịp thời đưa ra các quyết sách

linh hoạt, phù hợp đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn - hiệu quả bền vững của Công ty; Phát huy trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ này nên các vấn đề lớn, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phức tạp thuộc chức trách, thẩm quyền của HĐQT do Tổng Giám đốc đề xuất đều được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh theo nội dung chỉ đạo của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong quá trình triển khai, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Năm tháng năm 2017 là quãng thời gian có nhiều khó khăn, thách thức trong điều hành sản xuất kinh doanh, với bản lĩnh và năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao, Ban Tổng Giám đốc đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt để điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ, HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế đã đạt được.

5. Báo cáo chi phí lương và thù lao của Hội đồng Quản trị

- Chủ tịch HĐQT (lương):	200.000.000 đồng.
- Phó Chủ tịch HĐQT (thù lao):	20.000.000 đồng.
- Thành viên HĐQT 6 người (thù lao):	90.000.000 đồng.
Tổng số tiền lương và thù lao đã chi:	310.000.000 đồng.

6. Hoạt động của Ban Tổng hợp

Ban Tổng hợp được thành lập từ ngày 01/12/2017 theo Nghị quyết số 22a/NQ-KTC-HĐQT ngày 26/9/2017 của HĐQT gồm 5 thành viên (hiện nay mới có 4 thành viên, còn thiếu 1 thành viên), Ban Tổng hợp là bộ phận nghiệp vụ trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy chế nội bộ của Công ty. Ban Tổng hợp đã phối hợp các Phòng/Ban chuyên môn và Đơn vị trực thuộc thực hiện khá tốt chức năng, nhiệm vụ giúp cho công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT được kịp thời, có kết quả.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Tình hình kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng kinh tế trên đà hồi phục, lạm phát được kiểm soát tốt, nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực... là những tín hiệu khả quan, là tiền đề quan trọng tạo điều kiện cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty KTC năm

2018.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất lợi; mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài sẽ khốc liệt hơn do việc mở cửa thị trường thực hiện các cam kết WTO và hiệp định FTA... là những thách thức không nhỏ trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Từ những dự báo và nhận định trên, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ Công ty KTC thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu 2018
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.000.000
02	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
03	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29.000
04	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	23.200
05	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/người/tháng	7.200.000
06	Tỷ suất LN trước thuế/vốn điều lệ	%	7,95

Một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đề ra, đảm bảo an toàn tài chính, tối ưu hóa lợi nhuận.

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, trên cơ sở đó chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp; quản trị tốt chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực của Công ty; ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực, trong đó lấy nguồn lực con người làm trọng tâm, nâng cao tay nghề và năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa, có chất lượng cao.

- Chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương tái cấu trúc tài sản, tài chính của Công ty, thoái vốn đầu tư tại các công ty liên danh, liên kết; tái cơ cấu tài sản thuộc lĩnh vực chế biến, kinh doanh xuất khẩu gạo; tìm kiếm nhà đầu tư có năng lực tham gia cổ phần hóa Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC; đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp tác đầu tư kho bể chứa nhiên liệu bay Jet A-1 với Công ty Cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex nhằm khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng hiện có tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Phú Quốc.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường, tăng thị phần; Phát triển thị trường mới và các sản phẩm thay thế, tăng giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, đảm bảo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh có sự hỗ trợ nhau tích cực về mặt hiệu quả.

Năm 2018, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, Công ty KTC sẽ còn gặp không ít khó khăn, thách thức, bằng tất cả tinh thần và trách nhiệm, trước quý vị Cổ đông - những người chủ thực sự của Công ty. HĐQT, Ban điều hành và toàn thể người lao động Công ty KTC cam kết sẽ nỗ lực, quyết tâm thực hiện vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội sẽ biểu quyết thông qua.

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, Tôi xin chân thành cảm ơn quý vị Cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty thời gian vừa qua và mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ của quý vị Cổ đông trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG

M.S.D.N: 170052208
TP. RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC SỐ 01
Các cuộc họp của HĐQT

(Kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2018)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch	8	100%
2	Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó Chủ tịch	8	100%
3	Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên	8	100%
4	Ông Nguyễn Duy An	Thành viên	8	100%
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên	8	100%
6	Ông Vũ Quang Hiến	Thành viên	8	100%
7	Ông Võ Thái Sơn	Thành viên	8	100%
8	Ông Phạm Bình Dương	Thành viên	8	100%

Ông Phạm Bình Dương có ủy quyền dự 1 cuộc họp bằng văn bản cho ông Nguyễn Văn Cảnh./.

PHỤ LỤC SỐ 02

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành

(Kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2018)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT.KTC	22/7/2017	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết quả bầu cử Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;- Thông qua nhân sự Ban điều hành Công ty;- Bổ nhiệm ông Đinh Hoài Thanh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty;- Thông qua các Tờ trình:<ul style="list-style-type: none">+ Tờ trình số 06/TTr-TMKG ngày 22/7/2018 của Chủ tịch HĐQT về cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty.+ Tờ trình số 07/TTr-TMKG ngày 22/7/2017 của Chủ tịch HĐQT về trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát.+ Tờ trình số 08/TTr-TMKG ngày 22/7/2017 của Chủ tịch HĐQT về nhân sự Trưởng các Phòng chuyên môn, Giám đốc và Trưởng các đơn vị trực thuộc.
2	10/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (400 tỷ đồng) tại BIDV Kiên Giang.
3	11/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (400 tỷ đồng) tại Vietcombank Kiên Giang.
4	12/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (70 tỷ đồng) tại HDBank Kiên Giang.
5	13/NQ-HĐQT.KTC	14/8/2017	Thông qua các Biên bản họp HĐQT về vay vốn tại BIDV Kiên Giang, Vietcombank Kiên Giang và HDBank Kiên Giang phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty.
6	14/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của DNTN xăng dầu Phú Quý.
7	15/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Giao quyền cho ông Phạm Văn Hoàng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc làm chủ tài khoản

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			giao dịch của Công ty.
8	16/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thực hiện các quy chế quản trị nội bộ Công ty.
9	17/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Du lịch Kiên Giang và Công ty Cổ phần Vận tải Thủy bộ Kiên Giang.
10	18/NQ-HĐQT.KTC	12/9/2017	Thanh lý các tài sản không cần dùng (3 nền đất nông thôn thuộc dự án Khu dân cư Kênh 5, huyện Tân Hiệp; Nhà kho phân xưởng II thuộc Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp; Căn nhà số 36 đường Phạm Hồng Thái, TP Rạch Giá; Khu đất chợ thuộc Dự án Khu đô thị mới 67,5ha).
11	19/NQ-HĐQT.KTC	11/9/2017	Phân công ông Ngô Thanh Bình làm Thư ký HĐQT.
12	22/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
13	22a/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Thành lập Ban Tổng hợp trực thuộc HĐQT.
14	23/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Phê duyệt Quy chế làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
15	24/NQ-HĐQT.KTC	01/10/2017	Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT.
16	25/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế làm việc của các cấp lãnh đạo Công ty.
17	26/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế quản lý tài chính.
18	27/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Công ty KTC đầu tư vào doanh nghiệp khác.
19	28/NQ-KTC-HĐQT	27/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng (8 và 9) năm 2017; - Thông qua Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG; - Thông qua Quy chế chi hoa hồng trong giao dịch, môi giới xuất khẩu gạo của Công ty; - Thông qua Tờ trình ngày 24/10/2017 của ông Nguyễn Duy An (Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ KG) về xin chủ trương bán căn nhà số 5, đường Hòa Bình,

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>Phường 3, Quận 11, TP Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình số 178/TTr-CPTM ngày 25/10/2017 của Tổng Giám đốc về xin chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất (khu đất chợ thuộc dự án 67,5 ha). - Thông qua Tờ trình số 179/TTr-CPTM ngày 25/10/2017 của Tổng Giám đốc về xin chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn III thuộc dự án 67,5 ha.
20	28a/NQ-KTC-HĐQT	26/10/2017	Thành lập Ban phát triển Cửa hàng Xăng dầu.
21	29/NQ-KTC-HĐQT	30/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng (8 và 9) năm 2017; - Thông qua Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG; - Thông qua Quy chế chi hoa hồng trong giao dịch, môi giới xuất khẩu gạo của Công ty; - Thông qua Tờ trình ngày 24/10/2017 của ông Nguyễn Duy An (Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ KG) về xin chủ trương bán căn nhà số 5, đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP Hồ Chí Minh. <i>(Thay thế cho Nghị quyết số 28/NQ-KTC-HĐQT ngày 27/10/2017).</i>
22	02/NQ-KTC-HĐQT	09/01/2018	Phê duyệt Tờ trình số 298/TTr-KTC ngày 29/12/2017 của Tổng GD xin chủ trương nhận chuyển nhượng Cửa hàng xăng dầu của DNTN Sơn Cường (huyện Châu Thành, Kiên Giang).
23	03/NQ-KTC-HĐQT	09/01/2018	Phê duyệt Tờ trình số 295/TTr-KTC ngày 29/12/2017 của Tổng GD xin chủ trương phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (VPBank Kiên Giang).
24	04/NQ-KTC-HĐQT	09/01/2018	Thành lập Ban biên tập trang thông tin thương mại điện tử Công ty.
25	07/NQ-KTC-HĐQT	12/01/2018	Thông qua Quy chế trả lương Công ty.
26	09/NQ-KTC-HĐQT	23/01/2018	Thông qua Quy chế quản lý hành chính và chi

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			tiêu nội bộ Công ty.
27	11/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Thông qua hạn mức tín dụng (400 tỷ đồng) tại BIDV Kiên Giang.
28	12/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Thông qua hạn mức tín dụng (400 tỷ đồng) tại Vietcombank Kiên Giang.
29	13/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Thông qua hạn mức tín dụng (70 tỷ đồng) tại HDBank Kiên Giang.
30	14/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Thông qua chủ trương tái cấu trúc tài sản đầu tư tại 2 Xí nghiệp Chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp và Giồng Riềng.
31	15/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Thông qua chủ trương thanh lý Nhà máy CB gạo xuất khẩu Tân Hiệp B thuộc Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Kiên Giang.
32	16/NQ-KTC-HĐQT	20/01/2018	Thông qua chủ trương thoái vốn tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).
33	17/NQ-KTC-HĐQT	26/01/2018	Giao chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2018.
34	18/NQ-KTC-HĐQT	23/01/2018	Thông qua Quy chế quản lý nợ.
35	20/NQ-KTC-HĐQT	06/02/2018	Thông qua một số định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2017 – 2020.
36	21/NQ-KTC-HĐQT	12/02/2018	Phê duyệt Tờ trình số 288/TTr-KTC ngày 26/12/2017 của Tổng GD xin chủ trương đầu tư xây dựng kho bể chứa nhiên liệu bay Jet A-1 với Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex.
37	26/NQ-KTC-HĐQT	21/02/2018	Phê duyệt Tờ trình số 79/TTr-KTC ngày 07/02/2018 của Tổng GD về giá sản bán đấu giá tài sản không có nhu cầu sử dụng tại Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Tân Hiệp (Phân xưởng 1).
38	28/NQ-KTC-HĐQT	21/02/2018	Phê duyệt Tờ trình số 4/TTr-QLV ngày 07/02/2018 của Người đại diện vốn tại Công ty CP Thương mại - Dịch vụ KG về giá sản bán đấu giá tài sản không có nhu cầu sử dụng tại Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Tân Hiệp B.
39	24/NQ-KTC-HĐQT	26/02/2018	Thông qua chủ trương bán hết 889.832 cổ phiếu tại Tập đoàn Xăng dầu VN (Petrolimex).
40	01/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Văn phòng Công ty.
41	02/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Tài chính Kế toán.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
42	03/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Quản lý Dự án.
43	04/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Kế hoạch Kinh doanh.
44	05/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Xuất nhập khẩu.
45	06/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Trạm đại diện tại TP Hồ Chí Minh.
46	07/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Kiên Giang.
47	08/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Phú Quốc.
48	09/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC.
49	10/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp CB gạo XK Giồng Riềng.
50	11/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp.
51	12/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
52	13/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Nguyễn Duy An).
53	14/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Nguyễn Thành Công).
54	15/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Phạm Bình Dương).
55	16/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (bà Huỳnh Thanh Nguyên).
56	17/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (bà Võ Thị Hương Giang).
57	18/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc (ông Trần Đình Khải Hoàn).
58	19/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Tân Hiệp (ông Lê Gia Huỳnh).
59	20/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty (ông Đinh Hoài Thanh).
60	21/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Giồng Riềng (ông Nguyễn Thanh Phong).
61	22/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Dự án (ông Võ Chí Công).
62	23/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng phòng Xuất nhập khẩu (bà Trần Thị Mỹ Trang).
63	24/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Phú Quốc (ông Quách Hoàng Thọ).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
64	25/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu An Hòa (ông Nguyễn La Sơn).
65	26/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Bình An (ông Nguyễn Chí Công).
66	27/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Kiên Lương (bà Văng Thị Cẩm Giang).
67	28/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Thọ Phước (ông Đặng Trường Hải).
68	30/QĐ-TMKG	11/9/2017	Cử cán bộ đi công tác Macau (ông Phạm Văn Hoàng - Tổng Giám đốc).
69	31/QĐ-TMKG	11/9/2017	Cử cán bộ đi công tác Macau (ông Nguyễn Duy An - Phó Tổng Giám đốc).
70	32/QĐ-HĐQT.KTC	18/9/2017	Thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.
71	33/QĐ-HĐQT.KTC	18/9/2017	Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng.
72	34/QĐ-TMKG	18/9/2017	Tiếp nhận cán bộ (ông Nguyễn Chấn Hưng).
73	35/QĐ-HĐQT.KTC	01/10/2017	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.
74	36/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế làm việc của các cấp lãnh đạo.
75	37/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế quản lý tài chính.
76	38/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện vốn theo ủy quyền.
77	41/QĐ-KTC-HĐQT	30/10/2017	Ban hành Quy chế chi hoa hồng môi giới trong xuất khẩu gạo của Công ty.
78	42/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG.
79	43/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC.
80	44/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu PQ.
81	45/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu.
82	46/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các Phòng/Ban nghiệp vụ trực thuộc Công ty.
83	47/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ,

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp CB gạo XK Giồng Riềng.
84	48/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định quy trình thực hiện đầu tư phát triển Cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
85	49/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp.
86	50/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty.
87	39/QĐ-KTC-HĐQT	22/11/2017	Thành lập Ban phát triển Cửa hàng xăng dầu.
88	40/QĐ-KTC-HĐQT	29/11/2017	Thành lập Ban Tổng hợp.
89	51/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2017	Cử ông Đinh Hoài Thanh tham gia Ban kiểm soát Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.
90	52/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2017	Cử bà Võ Thị Hương Giang làm Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền.
91	05/QĐ-KTC-HĐQT	09/01/2018	Thành lập Ban biên tập trang thông tin thương mại điện tử.
92	08/QĐ-KTC-HĐQT	12/01/2018	Ban hành Quy chế trả lương của Công ty.
93	10/QĐ-KTC-HĐQT	23/01/2018	Ban hành Quy chế quản lý hành chính và chi tiêu nội bộ của Công ty.
94	19/QĐ-KTC-HĐQT	23/01/2018	Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty.
95	29/QĐ-KTC-HĐQT	16/3/2018	Thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
96	30/QĐ-KTC-HĐQT	16/3/2018	Thành lập Tiểu ban Hậu cần và Lễ tân ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
97	31/QĐ-KTC-HĐQT	16/3/2018	Thành lập Tiểu ban Soạn thảo và Phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

KIÊN GIANG

Số : 01/2018/TTr-BKS

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Thương mại Kiên Giang**

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

Đề tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 đạt hiệu quả cao nhất. Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một trong bốn đơn vị kiểm toán sau đây cho năm tài chính 2018.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, số 386/51, đường Lê Văn Sỹ, phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Toà nhà Indochina Park Tower, số 04, đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, địa chỉ tầng 5, tòa nhà Sài Gòn 3, số 140 Nguyễn Văn Thụ, Phường Đakao, Q1, Tp.Hồ Chí Minh.

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho các công ty niêm yết, theo qui định của Bộ Tài Chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đặng Văn Lành

Số : 02/2018/TTr-BKS

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/V: miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc cử người tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang ngày 30/3/2018.

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 -2022:
 - Bà Nguyễn Thị Bạch Dương, Kiểm soát viên.
2. Bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 - 2022:
 - Số lượng Kiểm soát viên bầu bổ sung: 01 thành viên.
 - Danh sách ứng viên đề cử bổ sung: 01 thành viên

Ban kiểm soát Công ty thống nhất thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

Ông Võ Chí Công – Trưởng Phòng Quản lý dự án Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (đính kèm lý lịch ứng viên).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đặng Văn Lành

Số : 05/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Xây dựng quy chế quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Thực hiện quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang xây dựng Quy chế quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nội dung chi tiết Quy chế quản trị Công ty được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông lần này. Quy chế quản trị Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang quyết định ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!



NGUYỄN THANH TUNG

Số : 01/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Toà nhà Indochina Park Tower, số 04, đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán 05 tháng cuối năm 2017).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!



NGUYỄN THANH TUNG

Số : 06/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 0577/PLXKV2-TC ngày 14/3/2018 của Cty xăng dầu khu vực II – TNHH một thành viên V/v đề cử/giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị Công ty KTC;

Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang ngày 30/3/2018.

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022:

- Ông Phạm Bình Dương, Thành viên HĐQT.

(Đính kèm công văn 0577/PLXKV2-TC ngày 14/3/2018 của Cty xăng dầu khu vực II – TNHH một thành viên).

2. Bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022:

- Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên.
- Danh sách ứng viên đề cử bổ sung: 01 thành viên.

HĐQT Công ty thống nhất thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

- + Ông Dương Ngọc Tuyền *(đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng viên).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THANH TUNG

Số : 03/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017, chiến lược phát triển của công ty trong trung và dài hạn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh và công tác đầu tư năm 2018 như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 05 tháng 2017 (từ 01/8 đến 31/12/2017)	Kế hoạch 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.018.876	4.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.093	29.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.093	23.200
4	Sản lượng tiêu thụ			
	- Xăng dầu các loại	M ³	91.125	202.000
	- Gạo các loại	Tấn	63.842	140.000
	- Thực phẩm đóng hộp	Container	66	220
5	Kim ngạch xuất khẩu	USD	30.496.157	60.500.000
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	2,22	7,95

2. Công tác đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự kiến năm 2018 là: 67.651.591.900 đồng

(đính kèm Phụ lục: Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất năm 2018)

Xin chân thành cảm ơn!



NGUYỄN THANH TUNG

Phụ lục: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2018

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nguồn vốn	Giá trị dự kiến
I	Xí nghiệp chế biến gạo XK Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng	Nguồn vốn Cty và Vay NH	7,236,591,900
1	Mua máy sortex, sửa chữa máy che, bảo trì, nâng cấp Phân xưởng I			4,291,591,900
2	Mua máy sortex, sửa chữa băng tải, bảo trì, nâng cấp Phân xưởng II			2,945,000,000
II	Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	Huyện Châu Thành	Nguồn vốn Cty và Vay NH	8,400,000,000
1	Mua máy cắt cá tự động			5,000,000,000
2	Nâng cấp nền phân xưởng			1,000,000,000
3	Cải tạo hệ thống xử lý nước thải			1,000,000,000
4	Thay mới mái tole phân xưởng (khu vực chứa TP)			800,000,000
5	Bảo trì máy cắt cá tự động			200,000,000
6	Đầu tư mới kho tiền đông			400,000,000
III	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	Nguồn vốn Cty và Vay NH	25,360,000,000
1	Xây dựng cửa hàng bán lẻ (trong khuôn viên kho xăng dầu)			3,000,000,000
2	Đầu tư mua mới 01 cửa hàng xăng dầu (Đất + CPXD)			18,000,000,000
3	Mở rộng bồn chứa xăng dầu 1000M3			3,000,000,000
4	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc			1,000,000,000
6	Mua sắm CCDC Văn phòng, Camera quan sát của 4 CH			360,000,000
IV	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Nguồn vốn Cty và Vay NH	6,655,000,000
1	Đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu Trần Quý Cáp	TP Rạch Giá		2,000,000,000
2	Làm mới bờ kè + cầu tàu kho XD Kiên Lương			300,000,000
3	Cải tạo sửa chữa mặt tiền CH XD số 9			650,000,000
4	Sửa chữa máy che CHXD số 12			60,000,000
5	Cải tạo sửa chữa sân nền CHXD số 35			155,000,000
6	Đầu tư mới bồn chứa CHXD số 39			490,000,000
7	Kho xăng dầu Bình An			300,000,000
	- Sơn sửa lại Văn phòng làm việc kho			
	- Xây lại hàng rào bị nghiêng			
	- Xử lý chỗ nứt đê ngăn cháy bồn chứa A1			
8	Kho xăng dầu Thọ Phước			1,000,000,000
	- Xây mới phòng làm việc cấp bên kho nhớt			
	- Cán nhựa lại sân nền cho kho			
9	Kho xăng dầu An Hòa			250,000,000
	- Sơn lại nhà làm việc			
	- Bảo dưỡng đường ống cứu hỏa, đường ống xuất nhập XD và 20 bồn chứa xăng dầu (25m3)			
10	Văn phòng làm việc XNXD Kiên Giang			250,000,000
	- Xin thay mới tole mái nhà văn phòng làm việc			
	- Xử lý chống thấm, chống dột sênô			
	- Sơn lại phòng kinh doanh			
11	Các cửa hàng bán lẻ			
	- Thay mới toàn bộ dấu hiệu thương mại KTC (tay vẫy KTC+ bảng nhận diện DHTM cho toàn bộ hệ thống cửa hàng bán lẻ.			500,000,000
	- Cửa hàng XD số 02			500,000,000
	+ Xây mới 01 nhà vệ sinh			
	+ Làm mới toàn bộ nhà bán hàng, nhà làm việc theo dấu hiệu nhận biết KTC			
	- Sơn mới toàn bộ các CHXD số 03,25,26			200,000,000
V	Dự án khu đô thị mới 67,5ha	Huyện Phú Quốc	Nguồn vốn Cty và Vay NH	18,000,000,000
1	Đầu tư các hạng mục phát sinh (tường bờ kè)			10,000,000,000
2	Trồng cây xanh công viên, xây mới văn phòng Ban điều hành,..			8,000,000,000
VI	Khu dân cư Nhật Tảo		Nguồn vốn Cty và Vay NH	2,000,000,000
	Lập quy hoạch, dự án, thiết kế... Khu dân cư Nhật Tảo	Tp Rạch Giá		2,000,000,000
	Tổng cộng: (I+II+III+IV+V+VI)			67,651,591,900

Số : 04/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ vào tờ trình số: 02/2017/TTr-HĐQT ngày 22/7/2017 V/v thông qua thù lao HĐQT, Ban KS đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương quản lý Công ty Cổ phần, không hưởng thù lao/phụ cấp.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

I. Tiền lương, thù lao năm 2017:

1. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát như sau:

1.1. Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 200.000.000 đồng;

- Trưởng Ban KS: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 150.000.000 đồng;

1.2. Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát không chuyên trách:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 20.000.000 đồng;

- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 6 người = 90.000.000 đồng;

- Thành viên Ban KS: 2.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 40.000.000 đồng.

1.3. Tổng số tiền lương, thù lao đã chi năm 2017 (1.1+1.2) : 500.000.000 đồng

2. Tiền lương Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc như sau:

- Tổng giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 1 người = 170.000.000 đồng;

- Phó Tổng giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 5 tháng x 4 người = 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương đã chi năm 2017: 770.000.000 đồng



II. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018:

1. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát kế hoạch năm 2018 đề nghị như sau:

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương quản lý Công ty, không hưởng thù lao/phụ cấp như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 40.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 480.000.000 đồng;

- Trưởng Ban KS: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 360.000.000 đồng;

1.2. Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát như sau không chuyên trách:

- Phó Chủ tịch HĐQT: 7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 84.000.000 đồng;

- Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 6 người = 360.000.000 đồng;

- Thành viên Ban KS: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 4 người = 144.000.000 đồng.

1.3. Tổng số tiền lương, thù lao dự kiến chi kế hoạch năm 2018 (1.1+1.2): 1.428.000.000 đồng.

2. Tiền lương Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc kế hoạch năm 2018 đề nghị như sau:

- Tổng giám đốc: 34.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 1 người = 408.000.000 đồng;

- Phó Tổng giám đốc: 30.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 5 người = 1.800.000.000 đồng.

Tổng số tiền lương dự kiến chi kế hoạch năm 2018: 2.208.000.000 đồng.

Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cho từng thành viên của HĐQT và BKS

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!



NGUYỄN THANH TUNG

Số : 02/2018/TTr-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

Căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 22/07/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán .

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 là: 8.092.513.622 đồng;
- Lợi nhuận năm trước chưa phân phối là 0 đồng;
- Tổng lợi nhuận được phép phân phối là 8.092.513.622 đồng;
- Phân phối lợi nhuận: 3.112.835.998 đồng.

Trong đó:

- + Trích quỹ đầu tư phát triển (10 % LNST): 809.251.362 đồng;
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: (10% LNST): 809.251.362 đồng;
- + Trích thưởng người lao động (0,5 tháng lương công việc): 1.213.333.274 đồng;
- + Trích thưởng người quản lý, điều hành: 281.000.000 đồng;
- + Cổ tức chi trả cho cổ đông (... ..% vốn điều lệ): 0 đồng.
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 4.979.677.624. đồng.

Công ty vừa đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/8/2017, nhằm tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông



qua không chi trả cổ tức năm 2017, đồng thời sử dụng lợi nhuận còn lại để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2018, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018 là 23.200.000.000 đồng; dự kiến kế hoạch sử dụng:

- + Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế;
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế;
- + Cổ tức chi trả cho cổ đông: 5-8% vốn điều lệ.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn thời điểm phù hợp, cân đối nguồn của Công ty để thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THANH TUNG

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-KTC-HĐQT ngày 19/4/2018
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty và (ii) đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- c. “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- d. “Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- e. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc, bao gồm: (i) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; (ii) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; (iii) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; (iv) Đối xử công bằng giữa các cổ đông; (v) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật chứng khoán;

g. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

2. Các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

a. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông;

b. “HDQT”: là Hội đồng quản trị Công ty.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HDQT, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải

lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có mặt đăng ký hết.

2. Cổ đông đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số thẻ tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ

chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 9. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

a. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

i. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Các vấn đề sau đây không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm/kỳ gần nhất của Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Chương III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
4. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác⁽¹⁾.

Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử. Thủ tục HĐQT đương nhiệm hoặc cổ đông khác giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng

¹ Khoản 3 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức;

d. Trường hợp khác quy định pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của

Công ty đề cử ứng viên có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC

TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4 – phải có từ 06 thành viên HĐQT) tổng số thành viên trở lên dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong

thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (04 người) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 19. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

Điều 21. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 22. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. HĐQT sẽ ban hành nghị quyết, quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại HĐQT.

2. Căn cứ nội dung biên bản họp. Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo nghị quyết, quyết định của HĐQT để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản.

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp HĐQT.

3. Căn cứ Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký vào các văn bản ban hành Quyết định, Quy định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty. Các văn bản này phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và bộ phận có liên quan để theo dõi, giám sát và thực hiện.

4. Các tài liệu liên quan đến phiên họp gồm: Biên bản, Nghị quyết, Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Thư ký Công ty và Văn thư Công ty theo chế độ bảo mật của Công ty.

Chương V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng viên trước, thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc cổ đông khác giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Kiểm soát viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Ban tổng hợp thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT có Ban tổng hợp để giúp việc và hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Số lượng thành viên Ban do HĐQT quyết định, nhưng phải có ít nhất ba (03) người.

2. Cơ cấu Ban tổng hợp thực hiện theo quyết định của HĐQT, bao gồm Trưởng ban và thành viên Ban.

3. Tiêu chuẩn thành viên Ban

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật;
- b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ đại học trở lên, và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Trách nhiệm của Ban

- a. Thực hiện các công việc được giao một cách cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm hỗ trợ các hoạt động của HĐQT;
- b. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Trường hợp vi phạm tại các điểm a, b Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Tổng hợp phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban có được phải hoàn trả cho Công ty.

d. Trường hợp phát hiện thành viên Ban vi phạm trong thực hiện công việc được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban tổng hợp; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Chương VI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Các tiêu chuẩn của Tổng giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 30. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

Điều 31. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện, cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban kiểm soát.
2. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch HĐQT mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

4. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới HĐQT (thông qua Thư ký Công ty) chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát phải kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. Trên cơ sở các ý kiến của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo từng đơn vị/toàn hệ thống Công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

7. Thông qua Ban kiểm soát, HĐQT xem xét tính trung thực của các báo cáo tài chính, thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

8. Ban kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc triệu tập ĐHCĐ họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

9. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Kiểm soát viên, Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. HĐQT đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.

Điều 33. Phối hợp hoạt động với Tổng giám đốc điều hành

1. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và duy trì ổn định các thành viên Ban Tổng giám đốc có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Công ty, đồng thời kịp thời bãi nhiệm các thành viên Ban Tổng giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. HĐQT thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc một cách khách quan dựa trên các căn cứ và cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc đề nghị với HĐQT để

xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ gần nhất.

5. Trước các cuộc họp HĐQT ba (03) ngày làm việc, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho HĐQT (thông qua Thư ký Công ty).

6. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

8. Định kỳ hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT xem xét, phê duyệt báo cáo quy hoạch các vị trí trong Ban Tổng giám đốc.

9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước, các cuộc đàm phán ký kết hợp đồng... của Công ty có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử thành viên HĐQT tham gia.

10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo Công ty tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung – dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc cùng dự, hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó Tổng giám đốc hoặc Trưởng/Phó phòng/ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Tổng giám đốc hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban Tổng giám đốc chủ trì, trường hợp cần thiết người chủ trì mời Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử người đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).

13. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

14. Tổng giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng quý, năm kế hoạch của Công ty để báo cáo HĐQT.

15. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác. Tổng giám đốc phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

16. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo HĐQT phải do Tổng giám đốc ký trình. Trường hợp đặc biệt, Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng giám đốc thực hiện, trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

Chương VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác

1. Phân cấp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm

a. HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

b. Tổng giám đốc đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

c. Trưởng Ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các kiểm soát viên.

2. Phương thức đánh giá

Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý khác của Công ty có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

a. Tự nhận xét đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm;

c. Cách thức phù hợp khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá

a. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.

b. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, chính sách, pháp luật Nhà nước.

c. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.

d. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

e. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, phối hợp giữa đơn vị với các đơn vị khác trong Công ty và mức độ tín nhiệm.

f. Các tiêu chí đánh giá khác (nếu có) do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

4. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý khác của Công ty được phân thành các loại sau:

a. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b. Hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và người quản lý khác của Công ty phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của cán bộ.

Điều 35. Khen thưởng

1. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý khác của Công ty có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty do HĐQT ban hành.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 36. Kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý khác của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế, nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty; tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của Công ty.

2. HĐQT quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế của Công ty.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương, 37 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do ĐHĐCĐ quyết định.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang)

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (Công ty) được tổ chức vào ngày 19 tháng 4 năm 2018 với các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG VÀ THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về nhân sự

Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty tổ chức vào ngày 22/7/2017 đã bầu 05 Kiểm soát viên. Theo đó, Ban kiểm soát hoạt động có đủ 05 Kiểm soát viên đúng quy định của Điều lệ Công ty, gồm có:

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| (1) Ông Đặng Văn Lành | Trưởng Ban kiểm soát |
| (2) Ông Nguyễn Văn Khoa | Kiểm soát viên |
| (3) Bà Lý Thu Diễm | Kiểm soát viên |
| (4) Bà Nguyễn Thị Bạch Dương | Kiểm soát viên |
| (5) Ông Trần Hữu Nghị | Kiểm soát viên |

2. Kết quả hoạt động

Trong 05 tháng (từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2017), Ban kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp tập trung và 5 lần lấy ý kiến các kiểm soát viên thông qua thư điện tử (Email), với các nội dung: Bầu Trưởng Ban kiểm soát; Xem xét tính pháp lý và kiến nghị Công ty kế thừa khoản nợ vay tại các ngân hàng vào thời điểm chốt sổ để bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần (ngày 01/8/2017) theo yêu cầu của cổ đông; Thông qua Quy chế hoạt động và phân



lành

công nhiệm vụ của Ban kiểm soát; Soát xét Báo cáo kết quả kinh doanh quý 3/2017; Xây dựng kế hoạch giám sát năm 2018 ... Tại các cuộc họp tập trung và lấy ý kiến bằng email đều có đầy đủ các kiểm soát viên tham gia phân tích, nhận xét và cho ý kiến đối với các nội dung đặt ra, đảm bảo dân chủ, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm khác như sau:

- Tổ chức thu thập thông tin phục vụ cho công tác giám sát và phân tích báo cáo tài chính định kỳ;
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy trình quản lý;
- Tham dự các cuộc họp do Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc Công ty tổ chức;
- Tham gia ý kiến cho tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và các công việc khác có liên quan của Công ty.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tổng tiền lương, thù lao của các Kiểm soát viên Ban Kiểm soát trong 05 tháng là 190 triệu đồng. Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động và tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHCĐ giao một cách khách quan, chủ động trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của Pháp luật. Tuy nhiên, việc bố trí nhân sự Ban kiểm soát có một trường hợp chưa đúng quy định, cụ thể: Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, thì Kiểm soát viên không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Trong khi hiện tại có 01 Kiểm soát viên đang Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty. Việc này Ban Kiểm soát sẽ trình ĐHCĐ xem xét miễn nhiệm, bầu bổ sung Kiểm soát viên cho phù hợp với quy định hiện hành.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Về kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính 05 tháng cuối năm 2017 (Báo cáo tài chính) của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 159 tỷ đồng do Công ty dùng nguồn vốn lưu động để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như khả năng thanh toán nợ đến hạn.

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2017	
			Cty mẹ	Hợp nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.399	1.482
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	815	872
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	584	610
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.399	1.482
1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	998	1.080
	<i>Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn</i>	Tỷ đồng	973	1.029
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	401	402
III	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	71,33	72,87

2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,66	27,12
IV	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,84	0,85
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,50
V	Khả năng sinh lợi			
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tỷ đồng	8,092	11,733
2	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn CSH)	%	2,01	2,91
3	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%	0,58	0,79
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		301

2. Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Trong 05 tháng, Công ty đã tổ chức điều hành SXKD có hiệu quả nhất định, nhiều chỉ tiêu đều đạt so với kế hoạch 5 tháng, cụ thể:

- Sản lượng bán: Xăng dầu 90.893 m³, đạt 120% kế hoạch. Trong đó: Bán tại các cửa hàng bán lẻ 9.595 m³, bán cho đại lý 39.190 m³, bán chuyển thẳng tại đầu nguồn 42.108 m³; Gạo xuất khẩu 63.842 tấn, đạt 106% kế hoạch; Thủy sản đóng hộp xuất khẩu 66 container, đạt 94% kế hoạch.

- Doanh thu 2.018,8 tỷ đồng, đạt 188,7% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Công ty là 11,733 tỷ đồng, trong đó: Lợi nhuận của Công ty mẹ 8,092 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 196,5 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư tại Công ty con (Công ty CP Thương mại Dịch vụ) 46,8 tỷ đồng; các Công ty liên kết 85,4 tỷ đồng; tại đơn vị khác 62,3 tỷ đồng. Phần lớn hoạt động của các Công ty đều có hiệu quả, có chia cổ tức, HĐQT đã có nghị quyết tái cấu trúc tài sản, các đơn vị tham gia góp vốn... để nâng cao hiệu quả.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc phát sinh trong quá trình SXKD.

Trong kỳ hoạt động, HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp, trong đó có 3 cuộc họp thường lệ và 5 cuộc họp bất thường, ngoài ra còn tổ chức 9 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền. Ban hành 39 Nghị quyết, 58 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, các nghị quyết, quyết định do HĐQT ban hành đều dựa trên cơ sở tuân thủ Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định, quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo thực hiện những nội dung công việc chính như sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- Bổ nhiệm, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Hoàn chỉnh thủ tục pháp lý Công ty và các Chi nhánh trực thuộc để Công ty sớm đi vào hoạt động;
- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Chấp thuận mở hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng BIDV, Vietcombank, HDBank để vay vốn, phục vụ kế hoạch SXKD.
- Quyết định tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính, ...

2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác

Tổng giám đốc và các người điều hành khác đã điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Các trường hợp phát sinh công việc vượt thẩm quyền đều có báo cáo và đề xuất

cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Kiến nghị phương án tái cấu trúc Công ty và trình HĐQT xem xét thông qua các quy chế quản trị lý nội bộ. Bổ nhiệm và quyết định tiền lương các chức danh quản lý trong công ty theo đúng thẩm quyền.

Trong kỳ, BKS chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ. Không có phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan đến công việc của Công ty cũng như đến quyền, lợi ích của các Cổ đông.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát, HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông hoạt động trên tinh thần hợp tác đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động Công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật, vừa đáp ứng được yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Trong thời gian tới, khi tổ chức Công ty đã đi vào ổn định, sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông sẽ được gắn kết chặt chẽ hơn.

V. KIẾN NGHỊ VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC GIÁM SÁT NĂM 2018

1. Về kiến nghị

Dự báo trong năm 2018 có thể xuất hiện những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động SXKD của Công ty (nguồn cung cấp, đối thủ cạnh tranh, thị trường tiêu thụ, ...). Để hoạt động SXKD của Công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

a) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định quản lý hiện hành của nhà nước và thực tế hoạt động của Công ty, doanh nghiệp thành viên.

b) Tiếp tục tổ chức thực hiện tái cấu trúc Công ty, trong đó bán một số tài sản không cần sử dụng và thoái vốn tại một số đơn vị có vốn góp của Công ty hoạt động kém hiệu quả theo lộ trình phù hợp, hiệu quả nhất.

c) Rà soát, đánh giá các rủi ro trong hoạt động đặt mua gạo bên ngoài, tạo nguồn xăng dầu, đặt ra các biện pháp và công cụ phòng ngừa rủi ro, lựa chọn nguồn cung ứng gạo xuất khẩu, xăng dầu, phương thức mua bán ...

d) Tiếp tục có các giải pháp đồng bộ để hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp từ Công ty đến Công ty con, đơn vị trực thuộc; quản trị chi phí khoa học, chặt chẽ, minh bạch gắn liền phát triển Công ty, là đòn bẩy để tăng sản lượng, thị phần và kết quả kinh doanh.

e) Tăng cường công tác theo dõi, quản lý và trích lập công nợ quá hạn thanh toán trên phạm vi toàn Công ty.

2. Kế hoạch công tác giám sát năm 2018

Nhằm thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo các quy định hiện hành, trong năm 2018, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác giám sát, với các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Giám sát quá trình và kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty;

b) Giám sát việc giao và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD tại Công ty, đơn vị trực thuộc, Công ty con;

c) Giám sát việc tiếp tục tổ chức thực hiện tái cơ cấu Công ty; chế độ quản lý lao động, tiền lương đối với người lao động và người quản lý trên cơ sở thực tế gắn với năng suất lao động, hiệu quả và phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Giám sát tài chính; Thẩm định, phân tích, đánh giá Báo cáo tài chính ...; Tình hình kết quả kinh doanh của Công ty và doanh nghiệp thành viên; đặc biệt về quản lý, tiết giảm chi phí SXKD; tạo nguồn cung ứng gạo, xăng dầu; quản lý tồn kho, công nợ...;

e) Giám sát quá trình & kết quả tổ chức thực hiện các nội dung khác trong hoạt động SXKD và quản trị tại Công ty.

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 05 tháng cuối năm 2017 và kế hoạch công tác giám sát năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Các phòng/ban Cty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỜNG BAN
Đinh Văn Lĩnh



Số: 199/BC-KTC-BTGD

Kiên Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 tháng cuối năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD) 05 THÁNG CUỐI NĂM 2017

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 5 tháng cuối năm 2017

Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 tháng cuối năm 2017 cũng là kỳ đầu tiên của kế hoạch 5 năm (2017-2022) theo nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thành lập ngày 22/7/2017.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, trong điều kiện môi trường kinh doanh nói chung, có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn thách thức. Với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty, đặc biệt là sự hậu thuẫn tích cực của chủ sở hữu và các cổ đông lớn, giúp Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, ổn định đời sống việc làm và thu nhập cho người lao động:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		So với kế hoạch	
			05 tháng (từ 01/8 đến 31/12/2017)	Năm 2017	05 tháng (từ 01/8 đến 31/12/2017)	Năm 2017
01	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.018.876	4.507.681	125,4%	117%
02	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.093	39.816	109,9%	226%
03	Kim ngạch xuất khẩu	USD	30.496.157	69.985.450	156,4%	146%
04	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	2,22	10,92	109,9%	226%

1. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

- Năm 2017, giá cả xăng dầu trong nước đã trải qua nhiều lần điều chỉnh do ảnh hưởng liên thông của biến động giá cả xăng dầu thế giới, nguồn hàng có nhiều lúc khan hiếm; tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại vẫn còn diễn ra khá phức tạp, gây không ít khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Với mạng lưới phân phối và khách hàng thân thiết, duy trì qua nhiều năm, đã giúp Công ty giữ vững thị phần ổn định hơn 30%.
- Sản lượng tiêu thụ xăng dầu các loại 91.125 m³/tấn đạt 120% kế hoạch 5 tháng cuối năm.

2. Lĩnh vực kinh doanh thương mại và xuất khẩu gạo

- Thị trường xuất khẩu gạo 5 tháng cuối năm 2017 chuyển biến tích cực do nhu cầu tăng từ: Banglades, Philippines, Malaysia, cùng với cơ chế khuyến khích của Chính phủ, đã dẫn dắt thị trường, gia tăng sản lượng vào cuối năm, tạo cơ hội mới cho xuất khẩu gạo Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng.
- Với lợi thế, là một trong 22 doanh nghiệp Việt Nam có Code xuất khẩu gạo trực tiếp vào Trung Quốc, đã tạo thuận lợi cho Công ty gia tăng sản lượng XK vào thị trường này.
- Sản lượng xuất khẩu gạo 5 tháng cuối năm vào các thị trường là 63.842 tấn, đạt 106% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu 30.496.157 USD, đạt 156,4% KH 5 tháng.

3. Lĩnh vực chế biến và xuất khẩu đồ hộp thủy sản

- So với những tháng đầu năm, 5 tháng cuối năm 2017, lĩnh vực chế biến và xuất khẩu đồ hộp thủy sản có sự phát triển tốt hơn trên các mặt, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Công ty giao, trong điều kiện sản phẩm thủy sản đóng hộp của Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt về giá với các nước có sản phẩm tương tự như Philiphine và Ecuador, do Việt Nam chưa được hưởng ưu đãi thuế quan như các nước này vào thị trường Châu Âu.
- Nguyên liệu đầu vào khan hiếm do sản lượng đánh bắt sụt giảm đáng kể; rào cản kỹ thuật về CO, cũng là điểm bất lợi cho xuất khẩu đồ hộp Việt Nam.
- Đối mặt với những khó khăn chung đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp về thị trường và sản phẩm, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn chất lượng, mở rộng thị trường nội địa, nhập khẩu nguyên liệu để chủ động sản xuất không bị gián đoạn.
- Năm tháng cuối năm xuất khẩu 66 Cont, đạt 94% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu 3.702.533 USD, đạt 93% kế hoạch.

4. Lĩnh vực đầu tư tài chính

- Đầu tư tài chính dài hạn ra bên ngoài chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty đầu tư tài chính dài hạn 196,1 tỷ/364,7 tỷ vốn đầu tư của chủ sở hữu, ở 10 doanh nghiệp ở dạng công ty con, công ty liên kết và đầu tư cổ phiếu.
- Hiệu quả đầu tư qua các năm cho thấy, có những đơn vị duy trì cổ tức cao 20-36%/năm (như Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kifocan, CP Sài Gòn – Phú Quốc..), tuy nhiên cũng có những đơn vị hiệu quả còn thấp, gặp khó khăn, nên hiệu quả đầu tư tài chính chưa đạt như kỳ vọng (qua thống kê cổ tức 5 năm trong rổ đầu tư, thì cổ tức bình quân/năm thấp hơn lãi suất ngắn hạn BQ của các Ngân hàng thương mại), do những đơn vị có hiệu quả cao thì vốn hóa thấp không đáng kể, trong khi những đơn vị hiệu quả thấp hoặc khó khăn, thì đầu tư vốn ở những nơi này chiếm tỉ trọng lớn.
- Vừa qua, trên cơ sở rà soát, đánh giá và dự báo tình hình, HĐQT đã xem xét và có chủ trương trình chủ sở hữu cơ cấu lại các khoản mục đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực đầu tư tài chính dài hạn.

PHẦN II
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trên cơ sở nhận diện thách thức khó khăn để khắc phục và khai thác yếu tố thời cơ thuận lợi, thế mạnh để phát huy, HĐQT thống nhất trình Đại hội Đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2018 và các giải pháp thực hiện như sau:

1. Kế hoạch SXKD năm 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4.000.000
2	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	29.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.200
5	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Xăng dầu	<i>m³</i>	202.000
	- Gạo các loại	<i>Tấn</i>	140.000
	- Đồ hộp các loại	<i>Container</i>	220
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển	%	10
7	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	10
8	Phân phối cổ tức cho nhà đầu tư	%	5 đến 8
9	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/Người/ Tháng	7.200.000
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	7,95

2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục hoàn thiện các Quy định, Quy trình về quản lý, điều hành nội bộ của Công ty, các chế độ đãi ngộ cho người lao động thông qua thu nhập và các hình thức khác để tạo lòng tin cho người lao động gắn bó với Công ty, và là động lực cho sự phấn đấu.
- Làm tốt hơn nữa công tác Marketing, chăm sóc khách hàng, nâng cao năng lực dự báo và phân tích thị trường; trang bị dấu hiệu nhận diện thương mại nhằm quảng bá thương hiệu để phát triển, mở rộng thị trường phân phối tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và nước ngoài.
- Quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm của thị trường trong và ngoài nước.
- Tranh thủ sự ủng hộ của lãnh đạo các cấp, các ngành trong xử lý vướng mắc còn tồn tại, và phát sinh mới tại dự án khu đô thị Bắc Dương Đông Phú Quốc, nhằm giải quyết dứt điểm những tồn tại, khó khăn trong nhiều năm qua, để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, xác lập hồ sơ đủ điều kiện để tiến hành chuyển nhượng, thu hồi vốn và khai thác lợi nhuận từ dự án.

*** Một số công tác trọng tâm**

Công tác đầu tư phát triển:

- Thường xuyên rà soát và làm tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị công cụ, dụng cụ tại các cơ sở chế biến, kho hàng, cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phương tiện và dụng cụ phòng chống cháy nổ; tìm kiếm các địa điểm thuận lợi để đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ theo chủ trương, kế hoạch của HĐQT.
- Đầu tư, nâng cấp các thiết bị cần thiết trong các lĩnh vực sản xuất, để giảm định mức chế biến, tăng chất lượng sản phẩm và đạt chuẩn điều kiện sản xuất theo quy định của thị trường xuất khẩu. (Đính kèm phụ lục chi tiết)

Công tác quản lý chất lượng, ATVSLĐ và phòng chống cháy nổ:

- Duy trì ổn định chất lượng sản phẩm theo Chứng nhận ISO, HACCP, IFS, FDA..., củng cố áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO-5S tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thường xuyên cập nhật và cải tiến cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đơn vị.
- Định kỳ diễn tập công tác PCCC tại các cơ sở, các kho hàng đặc biệt các kho xăng dầu, nhằm chủ động trong phòng ngừa, đảm bảo an toàn về người và tài sản Công ty.
- Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn về ATVSLĐ, PCCC; mở các lớp đào tạo ngắn hạn cập nhật về nghiệp vụ, kỹ năng bán hàng, nhất là lực lượng làm công tác Marketing, chăm sóc khách hàng, các Cửa hàng Trưởng, Trưởng kho... nhằm nâng cao kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng quản lý tiền hàng.

Công tác tái cấu trúc nguồn vốn và tài sản đầu tư dài hạn:

- Căn cứ tình hình tài chính của doanh nghiệp và mục tiêu định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất các giải pháp cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản đầu tư, giảm áp lực thanh khoản, chi phí tài chính và các khoản chi phí khác, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn Công ty.

Dự án khu đô thị Bắc Dương Đông Phú Quốc (dự án 67,5ha):

- Đối với giai đoạn 2 của dự án: Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng Khu II, hoàn thiện thủ tục pháp lý để tiến hành chuyển nhượng. Hoàn thiện đầu tư cụm công viên cây xanh, các hạng mục phụ trợ của khu 1 để sớm bàn giao về địa phương vận hành và quản lý.
- Giai đoạn 3 của dự án: Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ các cấp lãnh đạo tỉnh và huyện Phú Quốc, để đẩy nhanh tiến độ công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch 1/500 cho phù hợp với quy hoạch điều chỉnh phân khu chức năng của huyện, tâm lý của nhà đầu tư thứ cấp và người sử dụng, để sớm triển khai thi công hạ tầng và các công trình phụ trợ khác, trong quý IV 2018.

Trên tinh thần phát huy cao độ truyền thống đoàn kết, sáng tạo tin rằng Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 và phát triển hơn nữa trong những năm tiếp theo./.



Phạm Văn Hoàng

Phụ lục: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2018

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Nguồn vốn	Giá trị dự kiến
I	Xí nghiệp chế biến gạo XK Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng	Nguồn vốn Cty và Vay NH	7,236,591,900
1	Mua máy sortex, sửa chữa máy che, bảo trì, nâng cấp Phân xưởng I			4,291,591,900
2	Mua máy sortex, sửa chữa băng tải, bảo trì, nâng cấp Phân xưởng II			2,945,000,000
II	Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	Huyện Châu Thành	Nguồn vốn Cty và Vay NH	8,400,000,000
1	Mua máy cắt cá tự động			5,000,000,000
2	Nâng cấp nền phân xưởng			1,000,000,000
3	Cải tạo hệ thống xử lý nước thải			1,000,000,000
4	Thay mới mái tole phân xưởng (khu vực chứa TP)			800,000,000
5	Bảo trì máy cắt cá tự động			200,000,000
6	Đầu tư mới kho tiền đông			400,000,000
III	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	Nguồn vốn Cty và Vay NH	25,360,000,000
1	Xây dựng cửa hàng bán lẻ (trong khuôn viên kho xăng dầu)			3,000,000,000
2	Đầu tư mua mới 01 cửa hàng xăng dầu (Đất + CPXD)			18,000,000,000
3	Mở rộng bồn chứa xăng dầu 1000M3			3,000,000,000
4	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc			1,000,000,000
6	Mua sắm CCDC Văn phòng, Camera quan sát của 4 CH			360,000,000
IV	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Nguồn vốn Cty và Vay NH	6,655,000,000
1	Đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu Trần Quý Cáp	TP Rạch Giá		2,000,000,000
2	Làm mới bờ kè + cầu tàu kho XD Kiên Lương			300,000,000
3	Cải tạo sửa chữa mặt tiền CH XD số 9			650,000,000
4	Sửa chữa máy che CHXD số 12			60,000,000
5	Cải tạo sửa chữa sân nền CHXD số 35			155,000,000
6	Đầu tư mới bồn chứa CHXD số 39			490,000,000
7	Kho xăng dầu Bình An			300,000,000
	- Sơn sửa lại Văn phòng làm việc kho			
	- Xây lại hàng rào bị nghiêng			
	- Xử lý chỗ nứt đê ngăn cháy bồn chứa A1			
8	Kho xăng dầu Thọ Phước			1,000,000,000
	- Xây mới phòng làm việc cấp bên kho nhớt			
	- Cán nhựa lại sân nền cho kho			
9	Kho xăng dầu An Hòa			250,000,000
	- Sơn lại nhà làm việc			
	- Bảo dưỡng đường ống cứu hỏa, đường ống xuất nhập XD và 20 bồn chứa xăng dầu (25m3)			
10	Văn phòng làm việc XNXD Kiên Giang			250,000,000
	- Xin thay mới tole mái nhà văn phòng làm việc			
	- Xử lý chống thấm, chống dột sênô			
	- Sơn lại phòng kinh doanh			
11	Các cửa hàng bán lẻ			
	- Thay mới toàn bộ dấu hiệu thương mại KTC (tay vẫy KTC+ bảng nhận diện DHTM cho toàn bộ hệ thống cửa hàng bán lẻ.			500,000,000
	- Cửa hàng XD số 02			500,000,000
	+ Xây mới 01 nhà vệ sinh			
	+ Làm mới toàn bộ nhà bán hàng, nhà làm việc theo dấu hiệu nhận biết KTC			
	- Sơn mới toàn bộ các CHXD số 03,25,26			200,000,000
V	Dự án khu đô thị mới 67,5ha	Huyện Phú Quốc	Nguồn vốn Cty và Vay NH	18,000,000,000
1	Đầu tư các hạng mục phát sinh (tường bờ kè)			10,000,000,000
2	Trồng cây xanh công viên, xây mới văn phòng Ban điều hành,..			8,000,000,000
VI	Khu dân cư Nhật Tảo		Nguồn vốn Cty và Vay NH	2,000,000,000
	Lập quy hoạch, dự án, thiết kế... Khu dân cư Nhật Tảo	Tp Rạch Giá		2,000,000,000
	Tổng cộng: (I+II+III+IV+V+VI)			67,651,591,900

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 39



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3 862 113
- Fax : 0297 3 866 080

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ, nhớt; Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, cá và thủy sản. Chế biến và đóng hộp thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản,...

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy An	Thành viên
Ông Võ Thái Sơn	Thành viên
Ông Vũ Quang Hiến	Thành viên
Ông Phạm Bình Dương	Thành viên
Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Văn Lành	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Kiểm soát viên
Bà Lý Thu Diễm	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kiểm soát viên
Ông Trần Hữu Nghị	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Thanh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc

Dại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 158.804.675.693 VND do Công ty dùng nguồn vốn lưu động để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như khả năng thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai cũng như không có khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.


CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc




PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Số: 310/2018/BCKT-HCM.00878

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 4.20 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 158.804.675.693 VND do Công ty dùng nguồn vốn lưu động để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như khả năng thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai cũng như không có khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.



TRANG ĐÁC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

A blue handwritten signature, likely belonging to Lê Thanh Vũ.

LÊ THANH VŨ
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2734-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/08/2017
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		815.138.232.600	808.875.317.669
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	294.971.351.355	210.833.372.978
Tiền	111		294.971.351.355	210.833.372.978
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.776.721.253	248.754.853.219
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	130.441.458.088	203.622.522.897
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	42.928.750.054	27.240.211.578
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	14.385.607.843	17.892.118.744
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.905.268	-
Hàng tồn kho	140	5.5	325.435.051.253	340.514.731.919
Hàng tồn kho	141		325.435.051.253	340.514.731.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.955.108.739	8.772.359.553
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	947.875.181	2.554.957.888
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.007.233.558	6.217.401.665
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		584.286.702.152	609.606.782.405
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		359.676.870.813	369.606.190.853
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	257.320.689.465	266.879.282.092
Nguyên giá	222		486.417.505.551	485.586.822.238
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.096.816.086)	(218.707.540.146)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	102.356.181.348	102.726.908.761
Nguyên giá	228		102.901.104.405	102.901.667.405
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(544.923.057)	(174.758.644)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.557.060.691	23.414.757.065
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	24.557.060.691	23.414.757.065
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	193.399.829.393	207.514.826.011
Đầu tư vào công ty con	251		46.840.645.200	58.210.729.710
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		84.992.861.690	84.992.861.690
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.311.234.611	64.311.234.611
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.744.912.108)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.652.941.255	9.071.008.476
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	6.652.941.255	9.071.008.476
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.399.424.934.752	1.418.482.100.074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn				
	300		998.121.321.793	1.022.391.799.946
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	154.971.271.199	161.372.979.233
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	50.498.632.958	61.420.602.989
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.859.601.615	15.762.148.422
Phải trả người lao động	314		25.677.498.234	29.901.412.834
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.865.068.256	1.013.718.530
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	237.234.089.038	198.040.640.766
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	491.400.555.916	420.870.240.486
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	8.436.191.077	8.003.719.186
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn				
	330		24.178.413.500	126.006.337.500
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	24.178.413.500	126.006.337.500
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Vốn chủ sở hữu				
Vốn góp của chủ sở hữu	400		401.303.612.959	396.090.300.128
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	401.303.612.959	396.090.300.128
Vốn góp của chủ sở hữu	411		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.010.237.153	14.010.237.153
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.555.045.806	17.341.732.975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.261.350.438	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.293.695.368	17.341.732.975
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.399.424.934.752	1.418.482.100.074



LÊ THỊ THỦY
Người lập biểu



ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	2.018.870.359.216	2.495.025.885.420
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.238.957.101
Doanh thu thuần	10		2.018.870.359.216	2.488.786.928.319
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.953.468.812.372	2.335.827.915.083
Lợi nhuận gộp	20		65.401.546.844	152.959.013.236
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.020.757.995	47.385.503.323
Chi phí tài chính	22	6.4	10.863.969.470	17.226.588.583
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.580.392.081</i>	<i>13.160.502.330</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	36.190.748.970	62.526.268.884
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.602.302.916	54.129.316.421
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.765.283.484	66.462.342.671
Thu nhập khác	31	6.7	553.655.431	2.540.678.111
Chi phí khác	32	6.8	226.425.292	21.814.056.379
Lợi nhuận khác	40		327.230.139	(19.273.378.268)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.092.513.623	47.188.964.403
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	15.464.934.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.092.513.623	31.724.029.588



LÊ THỊ THỦY
Người lập biểu



ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng




PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.092.513.623	47.188.964.403
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.759.440.353	16.343.056.847
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		2.744.912.108	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		422.209.228	301.500.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.807.055.231)	(44.499.501.057)
Chi phí lãi vay	06		7.580.392.081	13.160.502.330
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.792.412.162	32.494.522.523
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		61.025.747.316	(62.534.158.045)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.079.680.666	41.861.948.824
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.914.360.765	240.090.690.229
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.025.149.928	2.452.741.839
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.900.094.320)	(12.840.800.091)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.059.444.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(366.346.364)	(8.991.343.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.570.910.153	227.474.157.081
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.972.423.939)	(4.894.996.728)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.863.560.254	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		313.579.487	6.056.777.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.204.715.802	1.161.781.084

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.723.572.397.562	1.777.977.966.172
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.755.066.576.132)	(1.847.837.288.040)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.080.382.537)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.574.561.107)	(69.859.321.868)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		84.201.064.848	158.776.616.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		210.833.372.978	52.056.756.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(63.086.471)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	294.971.351.355	210.833.372.978



LÊ THỊ THUY
Người lập biểu



ĐINH HOÀI THANH
Kê toán trưởng




PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang theo quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03 tháng 08 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ, nhớt; Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, cá và thủy sản. Chế biến và đóng hộp thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản,...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có các chi nhánh trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Số 499C, đường Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng	Tổ 2, ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Tân Hiệp	Tổ 8, ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Tổ 2, Khu phố 1 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC	Khu Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	Lô D, số 3-4 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn hạn	98,03%	98,03%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngó Quyền	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đóng Hộp Kiên Giang	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp	38,08%	38,08%
Công ty Cổ phần Sách Và Thiết Bị Trường Học	Lô E6, số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh sách và văn phòng phẩm	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Số 30 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu	49,00%	49,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước. Do kỳ tài chính cuối cùng Công ty hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 07 năm 2017 (7 tháng) và kỳ tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (5 tháng).

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 07 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 577 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được bắt đầu từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Quan hệ

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

4.20 Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 158.804.675.693 VND do Công ty dùng nguồn vốn lưu động để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như khả năng thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai cũng như không có khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	3.683.827.426	2.279.000.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + VND	235.266.094.864	193.591.603.375
+ USD	56.014.677.882	14.956.132.022
+ EUR	6.751.183	6.636.969
	<u>294.971.351.355</u>	<u>210.833.372.978</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + USD	2.472.884	56.014.677.882
+ EUR	251	6.751.183
		<u>56.021.429.065</u>

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Techvalue Limited	41.498.479.775	15.065.816.275
Bagon Lipunan Multi-Purpose Coopoerative	33.620.505.000	-
Ông Hoàng Thái Tùng – Dự án 67.5	-	28.032.935.000
Ông Lê Anh Tuấn – Dự án 67.5 ha	-	25.125.628.000
Các khách hàng khác	55.322.473.313	135.398.143.622
	<u>130.441.458.088</u>	<u>203.622.522.897</u>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Ngọc Quang Phát	5.072.500.000	913.550.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Đại tài	5.582.500.000	-
Bà Phạm Thị Phới	5.000.000.000	2.500.000.000
Ban Đền Bù Giải Tỏa 67,5 ha Phú Quốc	6.588.295.590	6.588.295.590
Công ty TNHH Khánh Tâm	8.504.679.905	8.504.679.905
Các nhà cung cấp khác	12.180.774.559	8.733.686.083
	<u>42.928.750.054</u>	<u>27.240.211.578</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	-	-	74.347.420	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Kiên Giang – chi hộ và khoản khác	10.603.079.917	-	10.603.079.917	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	-	-	2.868.818.368	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.111.816.235	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.670.711.691	-	4.345.873.039	-
	14.385.607.843	-	17.892.118.744	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	24.111.943.319	-	37.686.366.309	-
Nguyên vật liệu	13.516.891.780	-	5.069.507.544	-
Công cụ, dụng cụ	44.660.122	-	54.027.974	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	177.726.294.673	-	134.455.031.913	-
Thành phẩm	22.910.927.972	-	50.762.941.204	-
Hàng hóa	73.145.510.065	-	111.995.661.798	-
Hàng gửi đi bán	13.978.823.322	-	491.195.177	-
	325.435.051.253	-	340.514.731.919	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Chi phí bảo hiểm	147.279.564	352.172.361
Chi phí thuê đất, cửa hàng	17.518.884	699.377.934
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	347.607.253	693.148.727
Chi phí khác chờ phân bổ	435.469.480	810.258.866
	947.875.181	2.554.957.888

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.585.358.951	5.285.955.940
Chi phí sửa chữa tài sản	1.461.051.074	3.330.568.381
Chi phí khác chờ phân bổ	2.606.531.230	454.484.155
	6.652.941.255	9.071.008.476

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/08/2017	273.405.462.236	170.329.416.754	40.639.255.793	1.212.687.455	485.586.822.238
Mua sắm trong kỳ	-	-	419.062.008	38.354.545	457.416.553
Đầu tư XDCB hoàn thành	373.266.760	-	-	-	373.266.760
Tại ngày 31/12/2017	273.778.728.996	170.329.416.754	41.058.317.801	1.251.042.000	486.417.505.551
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/08/2017	111.742.607.666	80.759.300.589	25.309.135.595	896.496.296	218.707.540.146
Khấu hao trong kỳ	4.091.845.325	4.664.682.335	1.574.734.490	58.013.790	10.389.275.940
Tại ngày 31/12/2017	115.834.452.991	85.423.982.924	26.883.870.085	954.510.086	229.096.816.086
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/08/2017	161.662.854.570	89.570.116.165	15.330.120.198	316.191.159	266.879.282.092
Tại ngày 31/12/2017	157.944.276.005	84.905.433.830	14.174.447.716	296.531.914	257.320.689.465
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:					
Tại ngày 01/08/2017	161.662.854.570	89.570.116.165	15.330.120.198	316.191.159	266.879.282.092
Tại ngày 31/12/2017	157.944.276.005	84.905.433.830	14.174.447.716	296.531.914	257.320.689.465



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/08/2017	102.871.667.405	30.000.000	102.901.667.405
Giảm trong kỳ	(563.000)	-	(563.000)
Tại ngày 31/12/2017	102.871.104.405	30.000.000	102.901.104.405
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/08/2017	144.758.644	30.000.000	174.758.644
Khấu hao trong kỳ	370.164.414	-	370.164.414
Tại ngày 31/12/2017	514.923.058	30.000.000	544.923.058
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/08/2017	102.726.908.761	-	102.726.908.761
Tại ngày 31/12/2017	102.356.181.347	-	102.356.181.347

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/08/2017	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2017	-	30.000.000	30.000.000

Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/08/2017	102.726.908.761	-	102.726.908.761
Tại ngày 31/12/2017	102.356.181.347	-	102.356.181.347

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/08/2017 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Giá trị mua đất bờ sông	660.000.000	-	-	660.000.000
Giá trị xây dựng dở dang kho ngoại quan, siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên	18.081.685.573	-	-	18.081.685.573
Chi phí xây dựng dở dang khác	4.673.071.492	1.515.570.386	(373.266.760)	5.815.375.118
	23.414.757.065	1.515.570.386	(373.266.760)	24.557.060.691

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thạnh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	46.840.645.200	(2.744.912.108)	-	58.210.729.710
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang	46.840.645.200	(2.744.912.108)	(*)	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Thủy bộ Kiên Giang	-	-	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết	84.992.861.690	-	-	84.992.861.690
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	8.110.410.000	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	19.568.463.690	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	3.752.088.000	-	(*)	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	53.561.900.000	-	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	64.311.234.611	-	-	64.311.234.611
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	7.555.491.328	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang	502.277.763	-	(*)	-
Tổng công ty xăng dầu Việt Nam	55.881.449.600	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	343.070.000	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sóng Hậu	28.945.920	-	(*)	-
	196.144.741.501	(2.744.912.108)	-	207.514.826.011

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 01 tháng 08 năm 2017 được trình bày theo Báo cáo kết quả thẩm định giá trị đầu tư với chứng thư số N173406/CENVALUE-CTTD ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ và chứng thư số 120/TS.1171 phát hành ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Và Thẩm Định Giá Đông Dương (gọi tắt là "DDA") với các ngoại trừ như sau:

- Giá trị đầu tư tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang (nay là Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang) sẽ được thay đổi theo kết quả thẩm tra, xử lý của các cơ quan có thẩm quyền quyết định.
- Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang, Công ty DDA kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt giá trị cụ thể.
- Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền được lấy theo giá trị sổ sách để bảo toàn vốn Nhà nước.
- Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sóng Hậu không thể xác định lại giá trị đầu tư do không đủ tài liệu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các công ty con:

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kiên Giang: Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn hạn. Vốn điều lệ mới là 50.000.000.000 VND, Công ty góp 49.017.000.000 VND chiếm 98,03% vốn điều lệ.

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền: Sản xuất và xuất khẩu thủy sản. Công ty góp vốn 7.680.000.000 VND chiếm 35% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang: Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp. Công ty góp vốn 7.756.030.000 VND chiếm 38,08% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học: Kinh doanh thương mại sách và văn phòng phẩm. Công ty góp vốn 2.560.480.000 VND chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang: Kinh doanh xăng dầu. Công ty góp vốn 49.000.000.000 VND chiếm 49% vốn điều lệ.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	3.018.935.465	22.632.550.694
Công ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	6.293.910.344	20.508.551.735
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	62.539.744.727	46.114.462.927
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hoá Dầu Quân Đội	18.309.646.630	21.777.371.040
Công ty TNHH DELIFA	41.373.451.640	24.318.255.000
Các nhà cung cấp khác	23.435.582.393	26.021.787.837
	154.971.271.199	161.372.979.233

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	11.668.477.800	11.668.477.800
Công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư ECB	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Kiên Giang	19.315.252.483	19.315.252.483
Goldmine Rice Marketing	5.351.664.685	-
Các nhà cung cấp khác	14.163.237.990	15.436.872.706
	50.498.632.958	61.420.602.989

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/08/2017	Phát sinh trong kỳ		31/12/2017
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	63.808.613	-	63.808.613
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	-	-	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.464.934.815	-	(12.000.000.000)	3.464.934.815
Thuế thu nhập cá nhân	28.712.553	33.644.580	-	62.357.133
Thuế tài nguyên	100.000.000	-	-	100.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	40.740.893	(40.740.893)	-
	15.762.148.422	138.194.086	(12.040.740.893)	3.859.601.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN" phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.092.513.622	47.188.964.403
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	275.325.740	2.323.324.775
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.367.839.363)	(2.897.828.861)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	46.614.460.317
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	(30.710.213.759)
- Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	-	77.324.674.076
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	15.464.934.815

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Trích trước chi phí lãi vay	-	319.702.239
Trích trước chi phí môi giới, xuất khẩu	1.462.181.988	298.740.700
Trích trước chi phí khác	402.886.268	395.275.591
	1.865.068.256	1.013.718.530

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Các khoản phải trả Nhà nước về Cổ phần hóa	213.006.243.441	171.768.414.441
Các khoản phải trả khác	24.227.845.597	26.272.226.325
	237.234.089.038	198.040.640.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng BIDV – Lãi suất từ 3,7%/năm đến 7%/năm	258.640.152.065	258.640.152.065	249.215.918.646	249.215.918.646
Ngân hàng Vietcombank – Lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,7%/năm	212.917.604.851	212.917.604.851	139.744.237.570	139.744.237.570
Ngân hàng HDBank	-	-	31.910.084.270	31.910.084.270
Vay dài hạn đến hạn trả	19.842.799.000	19.842.799.000	-	-
	491.400.555.916	491.400.555.916	420.870.240.486	420.870.240.486

Chi tiết phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/08/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn	420.870.240.486	1.723.568.967.562	-(1.672.881.451.132)		471.557.756.916
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	19.842.799.000	-	19.842.799.000
	420.870.240.486	1.723.568.967.562	19.842.799.000	(1.672.881.451.132)	491.400.555.916

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Vietcombank – lãi suất 7,5%/năm	23.551.000.000	23.551.000.000	42.982.900.000	42.982.900.000
Quỹ Đầu tư phát triển Kiên Giang – lãi suất 4,8%/năm	-	-	82.000.000.000	82.000.000.000
Ngân hàng HDBank – lãi suất 8%/năm	452.413.500	452.413.500	848.437.500	848.437.500
Nợ dài hạn	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
	24.178.413.500	24.178.413.500	126.006.337.500	126.006.337.500

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty (xem thuyết minh 5.7 và 5.8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kỳ thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017			
Vay ngân hàng	43.846.212.500	19.842.799.000	24.003.413.500
Nợ dài hạn	175.000.000	-	175.000.000
	44.021.212.500	19.842.799.000	24.178.413.500
Tại ngày 01/08/2017			
Vay ngân hàng	43.831.337.500	-	43.831.337.500
Tổ chức khác	82.000.000.000	-	82.000.000.000
Nợ dài hạn	175.000.000	-	175.000.000
	126.006.337.500	-	126.006.337.500

Chi tiết phát sinh các khoản vay và nợ dài hạn trong kỳ như sau:

	01/08/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	31/12/2017 VND
Vay ngân hàng	43.831.337.500	200.000.000	(19.842.799.000)	(185.125.000)	24.003.413.500
Tổ chức khác	82.000.000.000	-	-	(82.000.000.000)	-
Nợ dài hạn	175.000.000	-	-	-	175.000.000
	126.006.337.500	200.000.000	(19.842.799.000)	(82.185.125.000)	24.178.413.500

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Số dư đầu kỳ	8.003.719.186	16.420.112.913
Trích lập quỹ	798.818.255	6.945.533.401
Hoàn nhập quỹ năm trước	-	(6.370.583.365)
Chi quỹ trong kỳ	(366.346.364)	(8.991.343.763)
Số dư cuối kỳ	8.436.191.077	8.003.719.186

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	254.383.671.160	47.958.901.775	62.468.012.771	-	364.810.585.706
Tăng vốn trong kỳ	110.354.658.840	(48.084.340.652)	(62.270.318.188)	-	-
Lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017	-	-	-	31.724.029.588	31.724.029.588
Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp	-	125.438.877	-	-	125.438.877
Trích quỹ	-	-	13.812.542.570	(13.812.542.570)	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	6.370.583.365	6.370.583.365
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.945.533.401)	(6.945.533.401)
Tăng khác	-	-	-	5.195.993	5.195.993
Tại ngày 31/07/2017	364.738.330.000	-	14.010.237.153	17.341.732.975	396.090.300.128
Tại ngày 01/08/2017	364.738.330.000	-	14.010.237.153	17.341.732.975	396.090.300.128
Lãi từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	-	-	-	8.092.513.623	8.092.513.623
Nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	-	(2.080.382.537)	(2.080.382.537)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(798.818.255)	(798.818.255)
Tại ngày 31/12/2017	364.738.330.000	-	14.010.237.153	22.555.045.806	401.303.612.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2017		01/08/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp Nhà Nước	178.865.780.000	49,04%	178.865.780.000	49,04%
Các tổ chức, cá nhân khác	185.870.550.000	50,96%	185.870.550.000	50,96%
	364.736.330.000	100,00%	364.736.330.000	100,00%

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/08/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/08/2017
- Đô la Mỹ (USD)	2.472.884	659.291
- Euro (EUR)	251	251

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Doanh thu bán hàng	2.018.450.685.138	2.325.136.862.826
Doanh thu hàng hoá bất động sản	-	169.018.397.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	419.674.078	870.624.720
	2.018.870.359.216	2.495.025.885.420

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Giá vốn hàng bán	1.953.468.812.372	2.244.144.945.285
Giá vốn hàng hoá bất động sản	-	91.682.969.798
	1.953.468.812.372	2.335.827.915.083

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi kỳ quỹ	313.579.487	227.887.831
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.898.852.861
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.066.402.783	2.539.365.111
Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư	-	41.372.760.365
Lãi thoái vốn đầu tư	1.493.475.744	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.299.981	346.637.155
	3.020.757.995	47.385.503.323

6.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí lãi vay	7.580.392.081	13.160.502.330
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	116.456.053	3.764.586.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	422.209.228	301.500.000
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	2.744.912.108	-
	10.863.969.470	17.226.588.583

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	7.705.694.240	13.568.087.492
Chi phí vận chuyển bốc xếp	4.510.679.252	10.873.001.282
Chi phí xuất khẩu	13.466.962.619	25.782.853.088
Chi phí bán hàng khác	10.507.412.859	12.302.327.022
	36.190.748.970	62.526.268.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.056.225.535	38.961.229.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.675.073.184	3.266.437.067
Chi phí quản lý khác	4.871.004.197	11.901.649.829
	13.602.302.916	54.129.316.421

6.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	545.790.000	2.076.097.970
Thu nhập khác	7.865.431	464.580.141
	553.655.431	2.540.678.111

6.8 Chi phí khác

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nộp phạt	210.325.740	2.323.324.775
Xử lý công nợ phải thu, phải trả	-	19.059.989.123
Chi phí khác	16.099.552	430.742.481
	226.425.292	21.814.056.379

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.713.772.600	509.674.827.629
Chi phí nhân công	22.356.070.615	63.125.775.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.759.440.354	16.343.056.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.050.975.056	35.194.128.692
Chi phí khác	9.706.650.711	30.155.933.912
	433.586.909.336	654.493.723.024

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.723.572.397.562	1.777.977.966.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.755.066.576.132	1.847.837.288.040

8 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng



489
G T
M H
TO
T M
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	491.400.555.916	24.178.413.500	515.578.969.416
Phải trả người bán	154.971.271.199	-	154.971.271.199
Phải trả khác và chi phí phải trả	9.977.278.018	-	9.977.278.018
	656.349.105.133	24.178.413.500	680.527.518.633
Ngày 31 tháng 07 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	420.870.240.486	126.006.337.500	546.876.577.986
Phải trả người bán	161.372.979.233	-	161.372.979.233
Phải trả khác và chi phí phải trả	8.706.096.125	-	8.706.096.125
	590.949.315.844	126.006.337.500	716.955.653.344

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017 (xem tại thuyết minh số 5.7 và 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	130.441.458.088	203.622.522.897	130.441.458.088	203.622.522.897
Các khoản phải thu khác	11.687.549.453	15.914.711.597	11.687.549.453	15.914.711.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền	294.971.351.355	210.833.372.978	294.971.351.355	210.833.372.978
	437.100.358.896	430.370.607.472	437.100.358.896	430.370.607.472
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	515.578.969.416	546.876.577.986	515.578.969.416	546.876.577.986
Phải trả người bán	154.971.271.199	161.372.979.233	154.971.271.199	161.372.979.233
Phải trả khác	9.977.278.018	8.706.096.125	9.977.278.018	8.706.096.125
	680.527.518.633	716.955.653.344	680.527.518.633	716.955.653.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Tiền lương và thưởng	1.225.000.000	2.458.195.250

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Nhận cổ tức	-	10.717.251

Số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Phải thu khác	74.347.420	74.347.420
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Kiên Giang	Phải thu khác	10.603.079.917	10.603.079.917
		<u>10.677.427.337</u>	<u>10.677.427.337</u>

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	649.666.737.054	1.369.757.277.593	2.019.424.014.647
Chi phí phân bổ	(628.448.359.565)	(1.325.020.452.807)	(1.953.468.812.372)
Kết quả kinh doanh bộ phận	21.218.377.489	44.736.824.786	65.955.202.275
Chi phí không phân bổ			(50.019.477.178)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.020.757.995
Chi phí hoạt động tài chính			(10.863.969.470)
Lợi nhuận trước thuế			8.092.513.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			8.092.513.623
Vào ngày 31/12/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	94.701.334.669	35.740.123.419	130.441.458.088
Tài sản không phân bổ			1.268.983.476.664
Tổng tài sản			1.399.424.934.752
Nợ phải trả không phân bổ			998.121.321.793
Tổng nợ phải trả			998.121.321.793
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017			
Doanh thu thuần	831.554.162.884	1.659.773.443.546	2.491.327.606.430
Chi phí phân bổ	(779.651.548.658)	(1.556.176.366.425)	(2.335.827.915.083)
Kết quả kinh doanh bộ phận	51.902.614.226	103.597.077.121	155.499.691.347
Chi phí không phân bổ			(138.469.641.684)
Thu nhập hoạt động tài chính			47.385.503.323
Chi phí hoạt động tài chính			(17.226.588.583)
Lợi nhuận trước thuế			47.188.964.403
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(15.464.934.815)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			31.724.029.588
Vào ngày 31/07/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	65.826.101.054	137.796.421.843	203.622.522.897
Tài sản không phân bổ			1.214.859.577.177
Tổng tài sản			1.418.482.100.074
Nợ phải trả không phân bổ			1.022.391.799.946
Tổng nợ phải trả			1.022.391.799.946

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

LÊ THỊ THUÝ
Người lập biểu

ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018